

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



**Shape the future
with confidence**

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 48

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302861742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết Số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gửi hàng hóa.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, Số 11 Đường Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên độc lập
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên độc lập

BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ban Kiểm toán Nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Tùng	Trưởng ban
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Kiện Phương	Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiện Phương	Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Đặng Kiện Phương
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2026



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 11540875/68616286-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty") được lập ngày 24 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 48, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.




Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Nguyễn Hồ Khánh Tân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3458-2025-004-1


Đặng Minh Tài
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2815-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2026

ERNST & YOUNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		10.704.379.520.381	7.771.702.747.632
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	1.742.001.985.979	1.406.664.056.957
111	1. Tiền		352.432.027.280	172.694.601.477
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.389.569.958.699	1.233.969.455.480
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		697.303.455.000	2.255.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh	6.1	772.336.660.000	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	6.1	(90.888.205.000)	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.2	15.855.000.000	2.255.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.516.745.328.931	2.633.978.678.549
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	3.222.983.045.435	2.372.643.972.730
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	147.693.141.345	118.263.519.581
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	85.958.433.333	53.613.663.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	64.088.501.944	91.922.128.674
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7, 9	(3.977.793.126)	(2.464.605.436)
140	IV. Hàng tồn kho	10	4.436.217.717.740	3.500.841.551.213
141	1. Hàng tồn kho		4.571.619.977.868	3.628.483.449.396
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(135.402.260.128)	(127.641.898.183)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		312.111.032.731	227.963.460.913
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	18.766.186.096	18.918.911.303
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	17	292.091.116.531	206.834.915.351
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	1.253.730.104	2.209.634.259

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		554.975.366.538	727.621.646.739
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		13.903.413.413	67.287.198.903
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	13.903.413.413	67.355.660.903
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	(68.462.000)
220	II. Tài sản cố định		126.862.978.181	172.006.720.681
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	55.884.251.058	67.048.743.817
222	Nguyên giá		117.611.291.490	118.765.965.977
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(61.727.040.432)	(51.717.222.160)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	70.978.727.123	104.957.976.864
228	Nguyên giá		89.116.661.428	123.710.983.526
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(18.137.934.305)	(18.753.006.662)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	2.098.953.341
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	2.098.953.341
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	15	36.824.013.410	11.510.594.509
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		14.010.252.327	11.510.594.509
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		40.233.974.607	-
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(17.420.213.524)	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		377.384.961.534	474.718.179.305
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	17.398.316.713	30.505.976.293
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	28.3	132.480.043.965	92.772.007.253
268	3. Tài sản dài hạn khác		9.248.006.055	9.248.006.055
269	4. Lợi thế thương mại	14	218.258.594.801	342.192.189.704
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		11.259.354.886.919	8.499.324.394.371

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		7.786.988.527.374	5.487.325.625.083
310	I. Nợ ngắn hạn		7.782.454.897.947	5.484.791.995.656
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	3.524.391.650.301	2.302.534.241.609
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.2	277.890.266.385	159.199.365.977
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	42.018.519.569	52.348.381.540
314	4. Phải trả người lao động		40.740.418.105	36.697.621.111
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	432.116.215.957	325.302.628.259
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	566.126.793.149	122.130.638.401
320	7. Vay ngắn hạn	20	2.899.171.034.481	2.486.579.118.759
330	II. Nợ dài hạn		4.533.629.427	2.533.629.427
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	4.533.629.427	2.533.629.427
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.472.366.359.545	3.011.998.769.288
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	3.472.366.359.545	3.011.998.769.288
411	1. Vốn cổ phần		2.213.201.690.000	2.193.201.690.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.213.201.690.000	2.193.201.690.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		61.233.761.416	61.233.761.416
415	3. Cổ phiếu quỹ		(6.272.937.166)	(6.272.937.166)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		400.000.000	400.000.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.163.421.826.200	725.464.422.141
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		616.090.589.658	281.587.403.864
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		547.331.236.542	443.877.018.277
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		40.382.019.095	37.971.832.897
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		11.259.354.886.919	8.499.324.394.371

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2026



Trần Quế Tâm
Người lập



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng





Đặng Kiện Phương
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	27.242.826.032.601	22.561.138.071.715
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(611.280.262.354)	(482.305.929.549)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	26.631.545.770.247	22.078.832.142.166
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(24.320.550.712.820)	(20.023.348.736.267)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.310.995.057.427	2.055.483.405.899
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	264.415.037.965	191.523.696.921
22	7. Chi phí tài chính	25	(317.285.550.590)	(162.847.478.137)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(138.276.822.812)	(96.102.142.900)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết	15	2.499.657.818	1.295.427.468
25	9. Chi phí bán hàng	24	(1.368.530.734.060)	(1.284.703.148.478)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(224.313.930.431)	(244.263.029.014)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		667.779.538.129	556.488.874.659
31	12. Thu nhập khác	26	36.357.518.682	21.876.282.047
32	13. Chi phí khác	26	(15.047.152.641)	(9.414.383.954)
40	14. Lợi nhuận khác		21.310.366.041	12.461.898.093
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		689.089.904.170	568.950.772.752
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(173.900.781.264)	(142.724.165.244)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	28.3	39.708.036.712	22.320.702.746
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		554.897.159.618	448.547.310.254

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

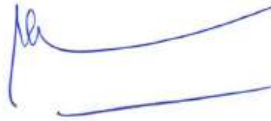
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		547.331.236.542	443.877.018.277
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		7.565.923.076	4.670.291.977
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	2.492	2.003
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	30	2.492	2.003

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2026



Trần Quế Tâm
Người lập



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng




Đặng Kiện Phương
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		689.089.904.170	568.950.772.752
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	12, 13, 14	50.809.639.988	55.204.988.874
03	Dự phòng		100.093.292.635	2.920.772.862
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.599.512.194)	445.700.573
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(59.663.085.311)	(50.944.019.011)
06	Chi phí lãi vay	25	138.276.822.812	96.102.142.900
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		917.007.062.100	672.680.358.950
09	Tăng các khoản phải thu		(927.385.148.139)	(574.315.771.466)
10	Giảm hàng tồn kho		(945.367.724.646)	(479.259.052.361)
11	Tăng các khoản phải trả		1.990.909.242.367	484.881.796.244
12	Giảm chi phí trả trước		12.080.665.760	9.446.289.469
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		(772.336.660.000)	-
14	Lãi vay đã trả		(133.920.086.389)	(99.714.688.568)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(183.375.879.832)	(121.270.592.117)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(42.388.528.779)	(107.551.659.849)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(215.779.773)	(45.216.323.778)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		-	3.388.010.045
23	Tiền chi cho vay		(116.034.831.238)	(167.108.371.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		41.890.546.000	155.023.127.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		(2.687.855.400)	(22.027.675.922)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền do đơn vị bị thanh lý nắm giữ)		(2.332.624.623)	-
27	Thu lãi tiền gửi và cổ tức		65.212.870.446	38.548.447.378
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(14.167.674.588)	(37.392.786.277)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		20.000.000.000	24.911.930.000
32	Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(30.000.000)
33	Tiền thu từ đi vay	20	13.383.456.049.842	11.683.537.040.829
34	Tiền trả nợ gốc vay	20	(12.901.977.567.453)	(11.523.950.114.957)
36	Cổ tức đã trả	21.2	(109.584.350.000)	(83.526.637.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		391.894.132.389	100.942.218.872

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

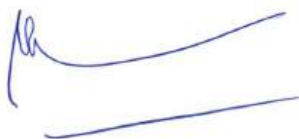
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		335.337.929.022	(44.002.227.254)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.406.664.056.957	1.450.368.646.470
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	297.637.741
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	1.742.001.985.979	1.406.664.056.957

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2026



Trần Quốc Tâm
Người lập



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đặng Kiện Phương
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302861742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ("SKHĐT") cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết Số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, Số 11 Đường Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 738 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 862).

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Nhóm Công ty có hai (2) công ty con trực tiếp, sáu (6) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết gián tiếp (ngày 31 tháng 12 năm 2024: hai (2) công ty con trực tiếp, mười (10) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết gián tiếp) như sau:

Công ty	Trụ sở	Hoạt động kinh doanh		Số cuối năm		Số đầu năm	
		Lợi ích biểu quyết %	Quyền quyết %	Lợi ích biểu quyết %	Quyền quyết %		
Công ty con trực tiếp							
(1) Công ty TNHH Nexta Capital ("Nexta") (i)	Thành phố Hồ Chí Minh	100	100	-	-	-	-
(2) Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam ("B2X")	Thành phố Hồ Chí Minh	90	90	90	90	90	90
(3) Công ty TNHH Một Thành viên Digiworld Venture ("Venture") (ii)	Thành phố Hồ Chí Minh	19	19	100	100	100	100
Công ty con gián tiếp							
(1) Công ty TNHH Một Thành viên 1 Digital Technology ("1 Digital")	Thành phố Hồ Chí Minh	100	100	100	100	100	100
(2) Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L ("C.L")	Thành phố Hồ Chí Minh	99,15	99,15	99,15	99,15	99,15	99,15
(3) Công ty Cổ phần Thương Mại và Sản xuất Bellvina ("Bellvina")	Thành phố Hồ Chí Minh	76,99	76,99	76,99	76,99	76,99	76,99
(4) Công ty TNHH Một Thành Viên Dpharma ("Dpharma")	Thành phố Hồ Chí Minh	100	100	100	100	100	100
(5) Công ty Cổ phần Achison ("Achison")	Thành phố Hồ Chí Minh	76,99	76,99	75	75	75	75
(6) Công ty TNHH B2X Care Solutions Vietnam (iv)	Thành phố Hồ Chí Minh	90	90	90	90	90	90

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Nhóm Công ty có hai (2) công ty con trực tiếp và một (1) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết gián tiếp (ngày 31 tháng 12 năm 2024: hai (2) công ty con trực tiếp, mười (10) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết gián tiếp) như sau (tiếp theo):

Công ty	Trụ sở	Hoạt động kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Lợi ích	Quyền biểu quyết	Lợi ích	Quyền biểu quyết
			%	%	%	%
Công ty con gián tiếp (tiếp theo)						
(7) Công ty Cổ phần Việt Money Holdings ("Viet Money Holdings") (iii)	Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	19	19	79,12	79,12
(8) Công ty Cổ phần Việt Money ("Viet Money") (iii)	Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ cầm đồ	19	19	79,12	79,17
(9) Công ty TNHH MTV Giải pháp Bất động sản Việt Land ("Viet Land") (iii)	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản	19	19	79,12	79,12
(10) Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Việt Technologies ("Viet Technologies") (iii)	Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, gia công phần mềm	19	19	79,12	79,12

Công ty liên kết gián tiếp

(1) Công ty Cổ phần Được phẩm Đại Tín ("Đại Tín")	Thành phố Hồ Chí Minh	Phân phối dược phẩm	36	36	36	36
---	-----------------------	---------------------	----	----	----	----

(i) Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, Venture hoàn thành việc chia tách công ty thành 2 công ty bao gồm Venture và Nexta theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 04/2025/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 1 năm 2025. Theo đó, Venture sẽ chuyển một phần vốn điều lệ cùng tài sản, quyền và nghĩa vụ tương ứng để thành lập công ty mới là Nexta.

Sau khi chia tách công ty, Nexta sở hữu 1 Digital, C.L, Bellvina, Dpharma, Achison và Đại Tín. Venture sở hữu Viet Money Holdings, Viet Money, Viet Land và Viet Technologies.

(ii) Theo Nghị quyết HĐQT số 09A/2025/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 3 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng 81% phần vốn góp của Công ty tại Venture. Theo đó, Venture và các công ty con của Venture không còn là công ty con của Nhóm Công ty tại ngày này.

(iii) Đây là các công ty con của Venture.

(iv) Đây là công ty con của B2X.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực*

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Nhóm Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Nhóm Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Nhóm Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	21 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 7 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	1 - 5 năm
Phần mềm máy tính	2 - 6 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Ngoài ra, khi có sự thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Nhóm Công ty sẽ ghi nhận phần chia sẻ của mình tương ứng với các thay đổi đó trong vốn chủ sở hữu. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Nhóm công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty, do vậy Ban Tổng Giám đốc đã định rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Hơn nữa, Ban Tổng Giám đốc cũng xác định báo cáo bộ phận của Công ty theo khu vực địa lý dựa theo địa điểm của tài sản là ở Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM

4.1 Mua thêm sở hữu trong công ty con hiện hữu - Achison

Vào ngày 19 tháng 6 năm 2025, Nhóm Công ty đã mua thêm 1,99% sở hữu vào Achison, tăng phần sở hữu thành 76,99% vào ngày này. Giá mua thêm 2.687.855.400 VND được thanh toán bằng tiền cho các cổ đông không kiểm soát. Giá trị ghi sổ của tài sản thuần của Achison (không bao gồm lợi thế thương mại từ nghiệp vụ mua lần đầu) tại ngày mua là 147.152.490.905 VND, và giá trị ghi sổ của phần sở hữu tăng mua thêm là 2.928.334.569 VND. Chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ của phần sở hữu tăng mua thêm được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM (tiếp theo)

4.2 Thoái vốn và mất quyền kiểm soát Công ty con – Venture

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ("HĐQT") số 09A/2025/NQ-HĐQT của Công ty, HĐQT của Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng 81% tỷ lệ sở hữu của Venture cho nhà đầu tư khác, với giá phí là 90.000.000.000 VND. Vào ngày 25 tháng 4 năm 2025, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 12 cập nhật thay đổi về chủ sở hữu của Venture. Theo đó, Venture và các công ty con của Venture không còn là công ty con của Nhóm Công ty.

Giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Venture và các công ty con của Venture tại ngày thoái vốn được trình bày dưới đây.

	<i>VND</i> <i>Giá trị ghi sổ tại</i> <i>ngày thoái vốn</i>
Tài sản	198.217.631.879
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.332.624.623
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.121.706.238
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4.509.366.898
Trả trước cho người bán ngắn hạn	816.095.357
Phải thu về cho vay ngắn hạn	54.703.642.000
Phải thu ngắn hạn khác	2.605.552.535
Hàng tồn kho	1.694.299.832
Chi phí trả trước ngắn hạn	234.414.721
Thuế GTGT được khấu trừ	4.552.867.265
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	1.430.217.227
Phải thu dài hạn khác	2.152.848.700
Tài sản cố định hữu hình	279.139.191
Tài sản cố định vô hình	26.526.671.571
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.058.044.250
Chi phí trả trước dài hạn	945.304.306
Lợi thế thương mại	90.254.837.165
Nợ phải trả	75.917.802.817
Phải trả người bán ngắn hạn	3.458.149.070
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	639.070.540
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	256.579.866
Phải trả người lao động	1.015.159.616
Chi phí phải trả ngắn hạn	545.569.119
Phải trả ngắn hạn khác	1.116.707.939
Vay ngắn hạn	68.886.566.667
Tổng giá trị ghi sổ của tài sản thuần tại ngày thoái vốn	<u>122.299.829.062</u>
Phần sở hữu của Tập đoàn trong tổng giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con	97.258.665.670
Giá chuyển nhượng	90.000.000.000
Lỗ thoái vốn công ty con được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	<u>(7.258.665.670)</u>
	<i>VND</i>
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc thoái vốn tại công ty con	
Tiền thu về từ thoái vốn công ty con	-
Số dư tiền của công ty con tại ngày thoái vốn	2.332.624.623
Khoản tiền thuần thu vào từ thoái vốn công ty con được trình bày trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	<u>(2.332.624.623)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	391.146.663	1.086.301.185
Tiền gửi ngân hàng	352.040.880.617	171.608.300.292
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>1.389.569.958.699</u>	<u>1.233.969.455.480</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.742.001.985.979</u>	<u>1.406.664.056.957</u>

(*) Các khoản tương đương tiền vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm:

- khoản tiền gửi tiết kiệm trị giá 15.507.115.289 VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn không quá ba (3) tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất áp dụng; và
- các khoản đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp và ngân hàng trị giá 1.374.062.843.410 VND. Các khoản đầu tư này được cam kết mua lại bởi các công ty chứng khoán trong khoảng thời gian dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 6,03%/ năm đến 7,7%/ năm. Sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty đã bán các khoản đầu tư vào trái phiếu này.

Thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất:		
Cần trừ theo Thỏa thuận Giải quyết các khoản vay	90.000.000.000	-

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

6.1 Chứng khoán kinh doanh

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng khoán kinh doanh	772.336.660.000	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	<u>(90.888.205.000)</u>	<u>-</u>
TỔNG CỘNG	<u>681.448.455.000</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.1 Chứng khoán kinh doanh (tiếp theo)

Số cuối năm thể hiện giá trị gốc của khoản đầu tư cổ phiếu vào các công ty niêm yết với mục đích kinh doanh như sau:

	Số cuối năm		VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	286.012.710.000	233.830.000.000	(52.182.710.000)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	246.935.800.000	233.640.000.000	(13.295.800.000)
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	133.475.990.000	119.757.000.000	(13.718.990.000)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	40.391.545.000	38.830.000.000	(1.561.545.000)
Khác	65.520.615.000	55.391.455.000	(10.129.160.000)
TỔNG CỘNG	772.336.660.000	681.448.455.000	(90.888.205.000)

6.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và kỳ hạn còn lại dưới một (1) năm kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được hưởng lãi suất dao động từ 4,1%/năm đến 7,29%/năm.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm		Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thế giới Di động	774.511.088.750	492.303.764.723	
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	184.820.334.877	66.817.044.632	
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Xây dựng Kỹ thuật Diệu Phúc	175.089.046.147	62.244.081.242	
Tổng Công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel - Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	146.126.468.880	20.295.000.000	
Khác	1.942.436.106.781	1.730.984.082.133	
TỔNG CỘNG	3.222.983.045.435	2.372.643.972.730	
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.977.793.126)	(2.464.605.436)	
GIÁ TRỊ THUẦN	3.219.005.252.309	2.370.179.367.294	
<i>Trong đó:</i>			
<i>Phải thu bên khác</i>	3.209.238.931.688	2.346.349.133.147	
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	13.744.113.747	26.294.839.583	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Công nghệ Huawei	85.397.336.694	49.401.619.614
Acer Incorporated	14.389.385.970	15.278.457.277
HP PPS Singapore (Sales) Pte Ltd	8.913.275.152	7.999.686.608
Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Thương mại		
Dịch vụ Vĩnh Kiên Thịnh	8.402.490.677	15.965.825.954
Khác	30.590.652.852	29.617.930.128
TỔNG CỘNG	<u>147.693.141.345</u>	<u>118.263.519.581</u>

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên khác	<u>85.958.433.333</u>	<u>53.613.663.000</u>

Chi tiết phải thu về cho vay ngắn hạn như sau:

Bên vay	Số cuối năm	Ngày đến hạn	Hình thức	
			Lãi suất	đảm bảo
	VND		%/ năm	
Công ty Cổ phần Việt Money (*)	<u>85.958.433.333</u>	Từ ngày 10 tháng 3 năm 2026 đến ngày 1 tháng 12 năm 2026	Từ 10 đến 12	Tin chấp

(*) Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ("HĐQT") số 09A/2025/NQ-HĐQT của Công ty, HĐQT của Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng 81% tỷ lệ sở hữu của Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture ("Venture") cho nhà đầu tư khác, với giá phí là 90.000.000.000 VND. Vào ngày 25 tháng 4 năm 2025, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 12 cập nhật thay đổi về chủ sở hữu của Venture. Theo đó, Venture và các công ty con của Venture, bao gồm Công ty Cổ phần Việt Money, không còn là công ty con của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	64.088.501.944	91.922.128.674
Chiết khấu thương mại từ nhà cung cấp	22.467.056.270	36.868.456.644
Đặt cọc, ký quỹ	12.736.753.150	3.893.868.107
Phải thu lãi trái phiếu dự thu, cho vay	7.011.423.646	7.802.200.929
Tạm ứng cho nhân viên	5.262.053.879	4.909.517.744
Khác	16.611.214.999	38.448.085.250
Dài hạn	13.903.413.413	67.355.660.903
Ký quỹ, ký cược	13.903.413.413	67.355.660.903
TỔNG CỘNG	77.991.915.357	159.277.789.577

10. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	3.548.096.998.750	2.945.152.065.257
Hàng mua đang đi đường	984.285.130.773	634.211.343.786
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	25.135.325.681	45.468.368.486
Hàng gửi đi bán	14.102.522.664	3.651.671.867
TỔNG CỘNG	4.571.619.977.868	3.628.483.449.396
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(135.402.260.128)	(127.641.898.183)
GIÁ TRỊ THUẦN	4.436.217.717.740	3.500.841.551.213

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	127.641.898.183	126.995.928.668
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	201.539.484.204	140.767.559.884
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(193.779.122.259)	(140.121.590.369)
Số cuối năm	135.402.260.128	127.641.898.183

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Số cuối năm</i>	<i>VND</i> <i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn	18.766.186.096	18.918.911.303
Chi phí hoạt động	11.899.670.906	12.338.836.767
Chi phí thuê	5.996.440.418	5.953.482.479
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	692.282.699	602.091.077
Khác	177.792.073	24.500.980
Dài hạn	17.398.316.713	30.505.976.293
Chi phí hoạt động	14.687.036.664	11.192.424.251
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.657.460.406	9.290.017.955
Khác	1.053.819.643	10.023.534.087
TỔNG CỘNG	<u>36.164.502.809</u>	<u>49.424.887.596</u>

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND
Nguyên giá:					
Số đầu năm	43.295.547.439	6.865.737.691	63.891.510.782	4.713.170.065	118.765.965.977
Mua mới	-	-	-	793.585.206	793.585.206
Giảm do thanh lý công ty con	-	(110.000.000)	(293.067.000)	-	(403.067.000)
Thanh lý	(1.327.316.704)	-	-	-	(1.327.316.704)
Xóa sổ	-	(52.575.989)	-	(165.300.000)	(217.875.989)
Số cuối năm	41.968.230.735	6.703.161.702	63.598.443.782	5.341.455.271	117.611.291.490
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	6.307.967.258	9.948.135.763	2.916.557.731	19.172.660.752
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(14.173.522.113)	(6.527.816.900)	(27.642.198.865)	(3.373.684.282)	(51.717.222.160)
Khấu hao trong năm	(1.729.250.985)	(433.765.827)	(8.489.629.196)	(569.105.914)	(11.221.751.922)
Giảm do thanh lý công ty con	-	44.381.952	79.545.857	-	123.927.809
Thanh lý	870.129.852	-	-	-	870.129.852
Xóa sổ	-	52.575.989	-	165.300.000	217.875.989
Số cuối năm	(15.032.643.246)	(6.864.624.786)	(36.052.282.204)	(3.777.490.196)	(61.727.040.432)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	29.122.025.326	337.920.791	36.249.311.917	1.339.485.783	67.048.743.817
Số cuối năm	26.935.587.489	(161.463.084)	27.546.161.578	1.563.965.075	55.884.251.058

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

			VND
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	58.925.624.022	64.785.359.504	123.710.983.526
Giảm do thanh lý công ty con	-	(33.050.874.256)	(33.050.874.256)
Thanh lý	<u>(1.543.447.842)</u>	<u>-</u>	<u>(1.543.447.842)</u>
Số cuối năm	<u>57.382.176.180</u>	<u>31.734.485.248</u>	<u>89.116.661.428</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	2.194.005.963	2.194.005.963
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	-	(18.753.006.662)	(18.753.006.662)
Hao mòn trong năm	-	(5.909.130.328)	(5.909.130.328)
Giảm do thanh lý công ty con	-	6.524.202.685	6.524.202.685
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>(18.137.934.305)</u>	<u>(18.137.934.305)</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>58.925.624.022</u>	<u>46.032.352.842</u>	<u>104.957.976.864</u>
Số cuối năm	<u>57.382.176.180</u>	<u>13.596.550.943</u>	<u>70.978.727.123</u>

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Lợi thế thương mại từ hợp nhất các công ty con				Tổng cộng
	C.L	Achison	Việt Money Holdings	B2X	
Nguyên giá:					
Số đầu năm	5.752.799.715	274.466.587.343	106.182.161.370	30.022.649.952	416.424.198.380
Giảm do thanh lý công ty con	-	-	(106.182.161.370)	-	(106.182.161.370)
Số cuối năm	5.752.799.715	274.466.587.343	-	30.022.649.952	310.242.037.010
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	(4.314.599.790)	(54.893.317.468)	(13.272.770.171)	(1.751.321.247)	(74.232.008.676)
Phân bổ trong năm	(575.279.972)	(27.446.658.734)	(2.654.554.034)	(3.002.264.998)	(33.678.757.738)
Giảm do thanh lý công ty con	-	-	15.927.324.205	-	15.927.324.205
Số cuối năm	(4.889.879.762)	(82.339.976.202)	-	(4.753.586.245)	(91.983.442.209)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	1.438.199.925	219.573.269.875	92.909.391.199	28.271.328.705	342.192.189.704
Số cuối năm	862.919.953	192.126.611.141	-	25.269.063.707	218.258.594.801

VND

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

15.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty có các công ty liên kết như sau:

Hoạt động kinh doanh	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Giá trị		Tỷ lệ		Giá trị		Tỷ lệ	
	VND	%	Sở hữu	Quyền biểu quyết	VND	%	Sở hữu	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín ("Đại Tín")	14.010.252.327	36	36	11.510.594.509	36	36	36	
Phân phối dược phẩm								

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên kết để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất, do các khoản đầu tư này không có giá trị niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác giá trị ghi sổ.

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày như sau:

Giá gốc khoản đầu tư:	VND
Số đầu năm và số cuối năm	9.879.000.000
Phân lãi lũy kế sau khi mua công ty liên kết:	
Số đầu năm	1.631.594.509
Phân lãi từ các công ty liên kết trong năm	2.499.657.818
Số cuối năm	4.131.252.327
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	11.510.594.509
Số cuối năm	14.010.252.327

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 Đầu tư vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm				
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại	Tỷ lệ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại	Tỷ lệ
Công ty TNHH Digiworld Venture (i)	40.233.974.607	(17.420.213.524)	22.813.761.083	19	-	-	-	-
	VND	VND	VND	Quyền Lợi biểu ích quyết	VND	VND	VND	Quyền Lợi biểu ích quyết

(i) Công ty TNHH Digiworld Venture ("Venture") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0313309149 do SKHĐT cấp ngày 16 tháng 6 năm 2015 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Venture là cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý, mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử. Venture có trụ sở đăng ký tại Số 195 – 197 Đường Nguyễn Thái Bình, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Venture là công ty con 100% của Công ty. Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, Venture hoàn thành việc chia tách công ty thành 2 công ty bao gồm Venture và Nexta theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 04/2025/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 1 năm 2025. Theo đó, Venture sẽ chuyển một phần vốn điều lệ cùng tài sản, quyền và nghĩa vụ tương ứng để thành lập công ty mới là Nexta.

Theo Nghị quyết HĐQT số 09A/2025/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 3 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng 81% phần vốn góp của Công ty tại Venture cho nhà đầu tư khác. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Venture giảm xuống còn 19%.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào đơn vị khác để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất, do các khoản đầu tư này không có giá trị niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

16.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Asus Global Pte. Ltd.	1.031.772.003.394	287.085.228.098
Công ty TNHH Xiaomi Việt Nam	733.816.199.624	31.537.467.380
Công ty TNHH Apple Việt Nam	708.594.364.805	734.865.076.000
Lenovo (Singapore) Pt. Ltd	199.931.815.515	29.713.053.637
Công ty TNHH Công nghệ HP Việt Nam	189.770.628.951	26.378.550.000
Xiaomi H.K Limited	131.477.871.504	800.527.864.819
Khác	529.028.766.508	392.427.001.675
TỔNG CỘNG	<u>3.524.391.650.301</u>	<u>2.302.534.241.609</u>

16.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Xiaomi H.K Limited	70.554.215.438	88.677.562.487
Công ty Cổ phần Tư vấn Chuyển giao Công nghệ ITC	69.273.061.609	-
Công ty Cổ phần Intekcom	68.188.578.215	-
AMD International Sales & Service, Ltd	17.160.042.894	11.799.703.892
Khác	52.714.368.229	58.722.099.598
TỔNG CỘNG	<u>277.890.266.385</u>	<u>159.199.365.977</u>

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giảm do thanh lý công ty con	Số cuối năm
Phải thu					
Thuế giá trị gia tăng	206.834.915.351	3.660.956.873.754	(3.571.147.805.309)	(4.552.867.265)	292.091.116.531
Thuế xuất, nhập khẩu	690.203.805	41.885.559.808	(41.501.733.713)	-	1.074.029.900
Thuế thu nhập doanh nghiệp	224.843.613	-	(224.843.613)	-	-
Khác	1.294.586.841	1.976.497.558	(1.661.166.968)	(1.430.217.227)	179.700.204
TỔNG CỘNG	209.044.549.610	3.704.818.931.120	(3.614.535.549.603)	(5.983.084.492)	293.344.846.635
Phải trả					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	49.954.171.830	173.900.781.264	(183.600.723.445)	-	40.254.229.649
Thuế thu nhập cá nhân	1.282.980.530	12.173.781.841	(12.461.711.873)	(113.945.420)	881.105.078
Thuế giá trị gia tăng	800.738.093	3.588.968.477.798	(3.589.099.410.156)	-	669.805.735
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.155.614.808	(2.155.614.808)	-	-
Khác	310.491.087	4.631.306.328	(4.585.783.862)	(142.634.446)	213.379.107
TỔNG CỘNG	52.348.381.540	3.781.829.962.039	(3.791.903.244.144)	(256.579.866)	42.018.519.569

VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chiết khấu thương mại và hỗ trợ bán hàng	412.785.449.993	302.220.568.980
Chi phí hoạt động	11.352.411.480	15.731.707.278
Chi phí lãi vay	6.252.550.549	1.895.814.126
Khác	1.725.803.935	5.454.537.875
TỔNG CỘNG	<u>432.116.215.957</u>	<u>325.302.628.259</u>

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	566.126.793.149	122.130.638.401
Bao thanh toán (*)	522.704.647.375	-
Chi trả hộ	30.304.028.483	19.270.182.199
Ký quỹ	4.410.346.198	92.944.224.106
Bảo hiểm	3.356.578.481	3.334.375.420
Khác	5.351.192.612	6.581.856.676
Dài hạn	4.533.629.427	2.533.629.427
Nhận ký quỹ, ký cược	4.533.629.427	2.533.629.427
TỔNG CỘNG	<u>570.660.422.576</u>	<u>124.664.267.828</u>

(*) Số dư cuối năm thể hiện khoản Tiện ích Bao thanh toán Bên bán có cam kết hoàn trả do một ngân hàng thương mại cung cấp để tài trợ cho Nhóm Công ty đối với các khoản nợ được chuyển giao từ các Bên mua được chấp thuận của Nhóm Công ty.

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giảm do thanh lý công ty con	Số cuối năm	VND
Vay ngân hàng	2.486.579.118.759	13.383.456.049.842	(12.901.977.567.453)	(68.886.566.667)	2.899.171.034.481	

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp này nhằm tài trợ nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Ngày đến hạn	Lãi suất %/năm
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	763.334.774.400	Từ ngày 3 tháng 2 năm 2026 đến ngày 3 tháng 3 năm 2026	Từ 4,56 đến 5,15
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	741.637.481.543	Từ ngày 12 tháng 1 năm 2026 đến ngày 27 tháng 2 năm 2026	Từ 4,3 đến 4,8
Ngân Hàng TNHH HSBC (Việt Nam)	566.435.928.367	Từ ngày 14 tháng 1 năm 2026 đến ngày 18 tháng 8 năm 2026	Từ 4,41 đến 6
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1	480.225.488.414	Từ ngày 08 tháng 1 năm 2026 đến ngày 12 tháng 2 năm 2026	Từ 4,2 đến 4,4
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	347.537.361.757	Từ ngày 10 tháng 3 năm 2026 đến ngày 2 tháng 7 năm 2026	Từ 5,0 đến 5,5
TỔNG CỘNG	2.899.171.034.481		

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 *Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Năm trước							VND
Số đầu năm	1.672.244.430.000	61.233.761.416	(6.439.937.166)	400.000.000	866.943.855.710	32.468.326.330	2.626.850.436.290
Mua lại cổ phiếu	-	-	(30.000.000)	-	-	-	(30.000.000)
Giảm vốn	(197.000.000)	-	197.000.000	-	-	-	-
Cổ tức công bố bằng cổ phiếu	501.154.260.000	-	-	-	(501.154.260.000)	-	-
Cổ tức công bố bằng tiền	-	-	-	-	(83.526.637.000)	-	(83.526.637.000)
Phát hành cổ phiếu ESOP	20.000.000.000	-	-	-	-	-	20.000.000.000
Thay đổi tỷ lệ lợi ích trong công ty con	-	-	-	-	(702.673.595)	185.510.695	(517.162.900)
Tặng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	626.708.919	626.708.919
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	443.877.018.277	4.670.291.977	448.547.310.254
Khác	-	-	-	-	27.118.749	20.994.976	48.113.725
Số cuối năm	2.193.201.690.000	61.233.761.416	(6.272.937.166)	400.000.000	725.464.422.141	37.971.832.897	3.011.998.769.288

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.1 *Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu* (tiếp theo)

Năm nay	Số đầu năm	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quy đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng	VND
	2.193.201.690.000	61.233.761.416	(6.272.937.166)	400.000.000	725.464.422.141	37.971.832.897	3.011.998.769.288		
	20.000.000.000	-	-	-	-	-	20.000.000.000		
	-	-	-	-	547.331.236.542	7.565.923.076	554.897.159.618		
	-	-	-	-	(109.584.350.000)	-	(109.584.350.000)		
	-	-	-	-	240.479.169	(2.928.334.569)	(2.687.855.400)		
	-	-	-	-	-	(2.227.402.309)	(2.227.402.309)		
	-	-	-	-	(29.961.652)	-	(29.961.652)		
	<u>2.213.201.690.000</u>	<u>61.233.761.416</u>	<u>(6.272.937.166)</u>	<u>400.000.000</u>	<u>1.163.421.826.200</u>	<u>40.382.019.095</u>	<u>3.472.366.359.545</u>		

(i) Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/2025/NQ-DHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã thông qua Nghị quyết 13/2025/NQ-HĐQT ngày 6 tháng 5 năm 2025 công bố chi trả cổ tức bằng tiền (mỗi cổ đông đang nắm giữ 1 cổ phiếu nhận 500 VND) với tổng số tiền là 109.584.350.000 VND.

(ii) Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/2025/NQ-DHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã thông qua Nghị Quyết số 17/2025/NQ-HĐQT ngày 8 tháng 8 năm 2025 và Nghị Quyết số 23/2025/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 9 năm 2025 về việc phát hành 2.000.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động nhằm bổ sung vốn lưu động, với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

Vào ngày 8 tháng 10 năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 2.000.000 cổ phiếu này. Vào ngày 14 tháng 10 năm 2025, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu của Công ty.

Theo đó, Công ty đã thông báo bằng văn bản đến Sở Tài chính về việc thay đổi vốn điều lệ. Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 36 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 10 năm 2025, về việc tăng vốn cổ phần của Công ty lên 2.213.201.690.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	2.193.201.690.000	1.672.244.430.000
Giảm vốn	-	(197.000.000)
Cổ tức công bố bằng cổ phiếu	-	501.154.260.000
Phát hành cổ phiếu ESOP	20.000.000.000	20.000.000.000
Số cuối năm	<u>2.213.201.690.000</u>	<u>2.193.201.690.000</u>
Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm		
Cổ tức công bố bằng cổ phiếu	-	501.154.260.000
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu	-	501.154.260.000
Cổ tức công bố bằng tiền	109.584.350.000	83.526.637.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	109.584.350.000	83.526.637.000

21.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã được duyệt	221.320.169	219.320.169
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	221.320.169	219.320.169
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>221.320.169</i>	<i>219.320.169</i>
Cổ phiếu quỹ	(151.469)	(151.469)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>(151.469)</i>	<i>(151.469)</i>
Cổ phiếu đang lưu hành	221.168.700	219.168.700
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>221.168.700</i>	<i>219.168.700</i>

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu:	27.242.826.032.601	22.561.138.071.715
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	26.565.957.983.644	22.004.219.541.269
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	676.868.048.957	556.918.530.446
Các khoản trừ doanh thu:	(611.280.262.354)	(482.305.929.549)
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chiết khấu thương mại</i>	(581.513.397.399)	(464.945.766.674)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(29.766.864.955)	(17.360.162.875)
DOANH THU THUẦN	26.631.545.770.247	22.078.832.142.166
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	25.954.678.335.835	21.521.941.379.720
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	676.867.434.412	556.890.762.446
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	26.511.237.111.572	21.988.912.077.533
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	120.308.658.675	89.920.064.633

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thanh toán	74.329.439.769	54.964.757.313
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	67.158.957.682	84.567.475.302
Lãi từ giao dịch chứng khoán	58.034.909.183	2.728.260.000
Lãi trái phiếu	50.304.410.580	43.732.408.363
Cổ tức được chia	7.648.350.900	-
Lãi từ cho vay và tiền gửi ngân hàng	6.469.331.683	2.636.097.611
Khác	469.638.168	2.894.698.332
TỔNG CỘNG	264.415.037.965	191.523.696.921

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	23.802.370.293.330	19.571.872.285.747
Giá vốn dịch vụ cung cấp	518.180.419.490	451.476.450.520
TỔNG CỘNG	24.320.550.712.820	20.023.348.736.267

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	1.368.530.734.060	1.284.703.148.478
Chi phí hỗ trợ bán hàng	1.079.427.065.893	1.002.719.710.382
Chi phí dịch vụ mua ngoài	130.485.040.047	87.041.258.346
Chi phí nhân viên	90.915.835.415	102.694.231.948
Khác	67.702.792.705	92.247.947.802
Chi phí quản lý doanh nghiệp	224.313.930.431	244.263.029.014
Chi phí nhân viên	99.336.194.713	102.488.680.360
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.569.751.196	52.236.064.967
Khác	79.407.984.522	89.538.283.687
TỔNG CỘNG	<u>1.592.844.664.491</u>	<u>1.528.966.177.492</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	138.276.822.812	96.102.142.900
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	90.888.205.000	-
Lỗ từ giao dịch chứng khoán	60.540.386.081	32.780.575.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	17.082.327.693	31.043.163.824
Lỗ do thanh lý công ty con	7.258.665.670	-
Khác	3.239.143.334	2.921.596.413
TỔNG CỘNG	<u>317.285.550.590</u>	<u>162.847.478.137</u>

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	36.357.518.682	21.876.282.047
Thu nhập từ bồi thường	16.495.795.621	1.630.355.128
Thu nhập hỗ trợ từ hãng	1.892.753.195	15.643.182.516
Khác	17.968.969.866	4.602.744.403
Chi phí khác	(15.047.152.641)	(9.414.383.954)
Chi phí khấu hao không được khấu trừ	(11.812.573.939)	(5.972.167.384)
Khác	(3.234.578.702)	(3.442.216.570)
LỢI NHUẬN KHÁC	<u>21.310.366.041</u>	<u>12.461.898.093</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá mua hàng hóa	23.965.136.730.061	20.023.348.736.267
Chi phí hỗ trợ bán hàng	1.079.427.065.893	1.002.719.710.382
Chi phí dịch vụ mua ngoài	518.648.825.030	186.035.103.292
Chi phí nhân viên	239.795.261.156	205.182.912.308
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại) (Thuyết minh số 12, 13 và 14)	50.809.639.988	55.204.988.874
Khác	59.577.855.183	79.823.462.636
TỔNG CỘNG	<u>25.913.395.377.311</u>	<u>21.552.314.913.759</u>

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	166.305.930.666	143.186.365.173
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu (thừa) trong các năm trước	7.594.850.598	(462.199.929)
	<u>173.900.781.264</u>	<u>142.724.165.244</u>
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(39.708.036.712)	(22.320.702.746)
TỔNG CỘNG	<u>134.192.744.552</u>	<u>120.403.462.498</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	689.089.904.170	568.950.772.752
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho các công ty trong Nhóm Công ty	137.817.980.834	113.790.154.550
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu (thừa) trong những kỳ trước	7.594.850.598	(462.199.929)
Phân bổ lợi thế thương mại	6.735.751.548	8.078.295.218
Chi phí không được trừ	3.736.356.920	1.867.446.906
Lợi nhuận chưa ghi nhận thuộc diện nộp thuế TNDN	(4.263.636.636)	120.329.020
Thu nhập miễn thuế	(1.529.670.180)	-
Lỗi tính thuế chuyển sang từ những năm trước	(740.174.659)	(4.844.715.953)
Lợi nhuận từ công ty liên kết	(499.931.564)	(259.085.494)
Lỗi thuế trong năm chưa ghi nhận thuế hoãn lại tại các công ty con	1.950.087	4.332.387.671
Lãi vay không được trừ chuyển sang từ những năm trước	-	(1.620.109.214)
Khác	(14.660.732.396)	(599.040.277)
Chi phí thuế TNDN	134.192.744.552	120.403.462.498

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc của kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<i>VND</i>				
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Chi phí phải trả	87.221.950.939	67.243.627.616	19.978.323.323	19.174.325.393
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	27.080.452.026	25.528.379.637	1.552.072.389	232.720.273
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	18.177.641.000	-	18.177.641.000	-
	132.480.043.965	92.772.007.253		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	2.913.657.080
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			39.708.036.712	22.320.702.746

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiên Phương	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên HĐQT/ Trưởng ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên HĐQT/ Thành viên ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị
Bà Tô Tiểu Yên	Chị của Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Created Future	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV DHV	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV DKP	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV TOHT	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Bán hàng hóa	118.186.737.450	88.716.686.543
	Cung cấp dịch vụ	2.121.921.225	1.203.378.090
Bà Tô Tiểu Yến	Thuê nhà	210.000.000	-

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, khoản phải thu với bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>			
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Cung cấp dịch vụ và bán hàng hóa	<u>13.744.113.747</u>	<u>26.294.839.583</u>

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm toán Nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị như sau:

<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch	200.863.000	194.797.639
Bà Đặng Kiện Phương	Tổng Giám đốc	204.516.000	198.275.228
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc	192.452.000	186.109.000
Ông Shekhar Himanshu	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 6 tháng 5 năm 2024 đến ngày 1 tháng 9 năm 2024)	-	1.133.787.004
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên độc lập	120.000.000	120.000.000
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên độc lập	120.000.000	120.000.000
TỔNG CỘNG		<u>837.831.000</u>	<u>1.952.968.871</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	547.331.236.542	443.877.018.277
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	219.661.851	221.591.757
Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VND/cổ phiếu)	2.492	2.003

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm nay và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	68.350.342.430	39.265.410.270
Từ 1 năm đến 5 năm	89.519.465.578	181.664.113.225
Trên 5 năm	11.000.000	4.340.222.931
TỔNG CỘNG	157.880.808.008	225.269.746.426

32. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

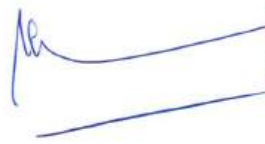
Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2026



Trần Quế Tâm
Người lập



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng




Đặng Kiện Phương
Tổng Giám đốc